

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2023
V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Thoan

Bà Hà Thị Kim Oanh

-Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023; Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị X, sinh năm 1981; Địa chỉ: Bản Kh, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản Kh, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lò Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn Đ quen nhau, tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn 02/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu cuộc sống chung của vợ chồng sau kết hôn hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách khác nhau nên thường xuyên cãi cọ, không thể tiếp tục hòa hợp được. Vợ chồng tự ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay

chị X thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc được nên đề nghị được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Chị X và anh Đ có 02 con chung là Hà Văn C sinh ngày 15/6/1998 và Hà Thị C sinh ngày 28/5/2000. Hiện hai cháu đã trưởng thành có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đối với bị đơn Hà Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng anh Đ không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tổng đạt Thông báo qua ông Hà Văn T là bố đẻ của anh Đ. Tại Biên bản làm việc ngày 21/10/2022, Anh Đ có trình bày ý kiến thông qua ông T là vợ chồng anh có nhiều mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị X. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung đều đã lớn có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật nhưng phiên tòa ngày 21/12/2022 anh Đ vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

* Tại biên bản xác minh về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trong vụ án Hôn nhân và gia đình ngày 22/11/2022, Ông Vi Văn L – Trưởng bản Kh, xã TT cho biết: Chị X và anh Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/12/2013 tại UBND xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, chị X và anh Đ sống hạnh phúc và cùng đi làm trong miền Nam thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Tuy nhiên từ năm 2020 thì không thấy anh Đ trở về nhà. Hai vợ chồng đã ly thân không thấy đi lại quan tâm lẫn nhau nữa. Về con chung, chị X và anh Đ có 02 con chung là Hà Văn C sinh ngày 15/6/1998 và Hà Thị C sinh ngày 28/5/2000. Hiện hai cháu đã trưởng thành có gia đình riêng, tự nuôi sống được bản thân. Về tài sản chung, chị X và anh Đ không thấy có tài sản gì chung.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân. Bị đơn anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố

tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền, không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị Lò Thị X được ly hôn với anh Hà Văn Đ; Về án phí: chị Lò Thị X phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về ly hôn; Bị đơn cư trú tại bản Kh, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt: nguyên đơn chị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 21/12/2022, anh Đ vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Anh Đ vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị X và anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Lò Thị X và anh Hà Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống không hòa hợp nên thường xuyên cãi cọ. Thời gian vợ chồng đã ly thân được 2 năm không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị X yêu cầu ly hôn anh Đ, quá trình giải quyết anh Đ đã biết việc chị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh nhưng cố tình không đến Tòa án để làm việc, chứng tỏ anh Đ cũng không tha thiết gì cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy, hôn nhân giữa chị X và anh Đ đã lâm và tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị X.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị X và anh Hà Văn Đ có 02 con chung là Hà Văn C sinh ngày 15/6/1998 và Hà Thị C sinh ngày 28/5/2000. Hiện hai cháu đã trưởng thành có công việc ổn định nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản: chị Lò Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị X.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lò Thị X được ly hôn anh Hà Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Lò Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị X đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0013045 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn. Chị Lò Thị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Chị X, anh Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã TT, huyện Quan Sơn

Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bàn Hữu Văn